

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản số: 252/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 05-8-2022

Về việc: “Xin ly hôn...” .

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Nhật Tân và bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

-Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Tô Tấn Cường– Cán bộ Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định.

-Đại diện VKSND huyện T tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Thùy Diễm– Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 147/2022/TLST-HNGĐ, ngày 30 tháng 3 năm 2022, về việc: “Xin ly hôn, nuôi con chung ”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 154/2022/HNGĐ-ST, ngày 15 tháng 6 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 1299/2022/QĐST-DS, ngày 01 tháng 7 năm 2022, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 1406/QĐST- HNGĐ, ngày 20 tháng 7 năm 2022; Thông báo mở lại phiên tòa số :1440/TB-TA, ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Ng, sinh năm 1990, có đơn xin xét xử vắng mặt

*Địa chỉ:*Thôn V, xã C,, huyện P1, tỉnh Bình Định.

Bị đơn: Anh Trần Văn Tr, sinh năm 1988, có yêu cầu xin vắng mặt.

*Địa chỉ:*Thôn A, xã Ph, huyện T tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 01 năm 2022, tại các bản khai Nguyên đơn chị Phạm Thị Ng trình bày: Giữa chị với Trần Văn Tr tự tìm hiểu thời gian khoảng 01 năm và tự nguyện kết hôn tại UBND xã Ph, vào ngày 12-9-2016. Vợ chồng cưới xong vợ chồng sống ở xã Phước Th tạo lập nhà riêng. Quá trình chung sống hạnh phúc một thời gian, vợ chồng chị chung sống trước khi kết hôn nên khi chị có bầu chồng chị cũng bỏ mặc, khi chờ chị đi sinh, xong bỏ mặc chị, anh đi xem bóng đá, nhưng sau đó chị đi làm, anh thì có ham chơi cờ bạc, nợ nần liên tục chủ nợ đến

nhà đời, quấy phá chị không chịu được. Sau đó hai vợ chồng tiếp tục bỏ đi vào Sài Gòn làm ăn thì chồng chị tiếp tục cờ bạc bỏ mặc chị ở Sài Gòn, còn anh trốn về quê. Thời gian cuối năm 2019, chị từ Sài Gòn về, anh bỏ nhà đi không ở chung cùng chồng chị nữa. Đến cuối năm 2021 chồng chị đã bán nhà trả nợ nên kêu chị về ký giấy bán nhà, chị đã chấp nhận bán nhà để chồng trả nợ. Do đó chị và chồng không còn tình cảm gì với nhau nữa, chồng chị cũng không có trách nhiệm với gia đình mà vẫn ham mê cờ bạc. Nay chị Ng yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn Tr. Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung tên là Trần Thị Thanh Th, sinh ngày 05-3-2013; Trần Khôi Ng1, sinh ngày 14-6-2018, hiện đang ở cùng chồng chị. Nay ly hôn chị giao hai con cho chồng nuôi, không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung. Về nợ chung: không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra chị Ng không khai và không yêu cầu gì khác.

Đối với bị đơn Trần Văn Tr yêu cầu xin vắng mặt tại phiên tòa nhưng có bản khai anh Tr trình bày: Giữa anh và chị Phạm Thị Ng tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Ph. Đến năm 2019 chị Ng bỏ nhà đi theo người khác và hiện nay đã có con với nhau. Nay chị Ng yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý. Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung tên là Trần Thị Thanh Th, sinh ngày 05-3-2013; Trần Khôi Ng1, sinh ngày 14-6-2018, hiện đang ở cùng anh. Nay ly hôn anh xin nuôi hai con, anh không yêu cầu chị Ng cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung. Về nợ chung: không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra anh Tr không khai và không yêu cầu gì khác.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu của chị Ng ly hôn với anh Tr. Về quan hệ nuôi con chung: Giao hai con chung của chị Ng và anh Tr tên là Trần Thị Thanh Th, sinh ngày 05-3-2013; Trần Khôi Ng1, sinh ngày 14-6-2018, cho anh Tr tiếp tục nuôi dưỡng, hiện con đang ở cùng anh Tr là phù hợp nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Về quan hệ tài sản chung: Chị Ng khai không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Tòa không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Phạm Thị Ng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn là anh Trần Văn Tr cư trú tại Thôn A, xã Ph, huyện T, tỉnh Bình Định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản

1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn anh Tr đề nghị Tòa xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2].1 Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Ng thì Hội đồng xét xử thấy rằng: Giữa chị Phạm Thị Ng và anh Trần Văn Tr tự tìm hiểu và tự nguyện kết hôn từ năm 2016, có đăng ký kết hôn số 65 ngày 12-9-2016 tại Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện T, tỉnh Bình Định nên hôn nhân giữa chị Ng và anh Tr là hợp pháp. Theo chị Ng khai trong thời gian sống chung vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian, sau đó vợ chồng mâu thuẫn và không sống chung từ năm 2021 cho đến nay. Nay chị yêu cầu Tòa giải quyết cho chị ly hôn thì anh Tr đồng ý. Tuy nhiên anh Tr vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa chị Ng và anh Tr mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn nên chấp nhận yêu cầu của chị Ng.

[2].2 Về quan hệ nuôi con chung: Chị Ng và anh Tr có hai con chung tên là Trần Thị Thanh Th, sinh ngày 05-3-2013, Trần Khôi Ng1, sinh ngày 14-6-2018, hiện đang ở cùng anh Tr. Nay ly hôn chị Ng giao hai con cho anh Tr nuôi. Hội đồng xét xử xét đã xác minh và xem xét ý kiến của cháu Thảo có mong muốn ở với anh Tr, anh Tr xin nuôi cả hai con và chị Ng đồng ý nên tiếp tục giao hai con cho anh Tr nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con anh Tr không yêu cầu nên Tòa không xét.

[2].3 Về tài sản chung và nợ chung: Chị Ng và anh Tr khai có tài sản chung, không có nợ không yêu cầu giải quyết, nên Tòa không xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc chị Ng phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn để sung vào Ngân sách Nhà nước. Tiền tạm ứng án phí chị Ng đã nộp được khấu trừ vào án phí.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 BLTTDS; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phạm Thị Ng ly hôn anh Trần Văn Tr.

[2] Về quan hệ nuôi con chung: Giao hai con chung của chị Ng và anh Tr tên là Trần Thị Thanh Th, sinh ngày 05-3-2013, Trần Khôi Ng1, sinh ngày 14-6-2018 cho anh Tr tiếp tục nuôi dưỡng, hiện hai con đang ở cùng anh Tr. Về cấp dưỡng nuôi con:

Tòa không xét. Bên không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như tiền cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về quan hệ tài sản chung: Tòa không xét.

[4] Về án phí DSST: Buộc chị Ng phải chịu 300.000đ về án phí ly hôn sung vào Ngân sách Nhà nước. Tiền tạm ứng án phí chị Ng đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0006108, ngày 23-3-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T được khấu trừ vào tiền án phí.

[5] Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết hoặc tổng đạt hợp lệ.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành. Nếu bên phải thi hành không thực hiện nghĩa vụ đã tuyên thì bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015 tương ứng thời gian chậm thi hành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

-Các bên đương sự
-VKSND huyện T
-Chi cục THADS huyện T
-Phòng GD&ĐT TAND tỉnh Bình Định .
-UBND xã Ph
Số 65, ngày 12-9-2016)
-Lưu hồ sơ .

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Bích Thủy

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán–Chủ Tọa Phiên Tòa

Trần Thị Bích Thủy

